



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

**VẢI KÈM ĐỂ THỬ ĐỘ
BỀN MẪU**

TCVN 4185 — 86

HÀ NỘI

Cơ quan biên soạn :

Viện Công nghiệp dệt sợi
Bộ Công nghiệp nhẹ.

Cơ quan đề nghị ban hành :

Bộ Công nghiệp nhẹ.

Cơ quan trình duyệt :

Tổng cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng
Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước

Cơ quan xét duyệt và ban hành :

Ủy ban khoa học và kỹ thuật nhà nước

Quyết định ban hành số: 65/QĐ ngày 21 tháng 1 năm 1986

VẢI KÈM ĐÈ THỬ ĐỘ BỀN MÀUСопровожа дающие
тканиThé standard
adjacent fabrics**TCVN**
4185 - 86Có hiệu lực
từ 1-1-1987

Tiêu chuẩn này áp dụng cho vải thử kèm chính dùng để thử độ bền màu thuốc nhuộm trên vải và sản phẩm hàng dệt thông dụng.

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1.1. Nguyên liệu để dệt vải thử kèm phải theo đúng các quy định trong phụ lục của tiêu chuẩn này.

1.2. Vải thử kèm phải theo đúng các quy định trong bảng sau :

Vải, thử kèm	Kiểu dệt	Mật độ (sợi/10cm)		Khối lượng 1m ² vải (g)	Độ trắng tối thiểu (%)	Độ mao dẫn sau 30 phút (cm)	Chú thích
		đọc	ngang				
Vải bông	Vân diềm	290 ± 5	310 ± 5	96 ± 5	80	11 ± 1	Vải mọt đốt lông 2 mặt không làm bông
Lụa vitcô	Tân diềm	370 ± 5	300 ± 5	77 ± 5	70	10 ± 1	Vải mọt đốt lông 2 mặt, không làm bông
Vải len A	Vân diềm	220 ± 4	204 ± 8	160 ± 6	55		
Vải len B	Vân diềm	210 ± 5	180 ± 5	125 ± 5	55		
Lụa tơ tằm	Vân diềm	490 ± 5	450 ± 5	50 ± 5	70		Định hình ở nhiệt độ 200°C trong 40 sec
vải polyeste	Vân diềm	216 ± 6	180 ± 5	125 ± 5	70		
vải polyamid	Vân diềm	630 ± 5	270 ± 5	81 ± 5	75		

1.3. Vải thử kèm không được chứa các hóa chất làm ảnh hưởng đến chất lượng của vải.

1.4. Vải thử kèm từ nguyên liệu bông, xơ vicotô phải được tẩy trắng. Vải thử kèm từ nguyên liệu khác chỉ tiến hành giặt để rũ hồ và loại trừ các tạp chất khác.

2. PHƯƠNG PHÁP THỬ

2.1. Đề kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật của vải, sử dụng phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử sau:

- Lấy mẫu theo TCVN 1749—86;
- Xác định khối lượng 1 m² vải theo TCVN 1752—86;
- Xác định mật độ sợi theo TCVN 1753 — 86;
- Xác định độ mao dẫn và độ trắng theo các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC TCVN 4185-86

Yêu cầu kỹ thuật của nguyên liệu dệt vải thun kềm

Tên vải thun kềm	sợi dọc	sợi ngang	Độ nhỏ		Độ sẵn (xoắn/m)		Lượng chất béo còn lại (%)
			Sợi dọc	sợi ngang	sợi dọc	Sợi ngang	
Vải bông	Bông		18,5 tex (Nm 54)		900Z	750Z	-
Lụa vitcô	Tơ vitcô		13,5 tex (120 den, f 24)		từ 70 ^o đến 100		-
Vải len A	Lông cừu chải kỹ có độ dài 50-60 mm		19 tex × 2 (Nm 52/2)		600Z × 540S		0,4 ± 0,1
Vải len B	Lông cừu chải kỹ có độ dài từ 50-60mm		15,5 tex × 2 (Nm. 64/2)		620	600	0,5 ± 0,2
Lụa tơ tằm	tơ tằm cấp D		2,4 tex x2 (20-23 den)	3,1 tex x 3 (28-30 den)	không xoắn		-
Vải polyeste	Xơ polyeste		15 tex × 2 (Nm 68/2)		780Z × 700S		-
Vải polyamid	Tơ polyamid		6,8 tex (60 den, f12)	13,5 tex (120den f24)	110Z		-